BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6275 /QĐ-CAT-QLHC

Lạng Sơn, ngày 13 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong các lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT; quản lý con dấu; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Lạng Sơn

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về ANTT đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo;

Căn cứ Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về ANTT đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025;

Căn cứ Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an

ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3116/QĐ-BCA-C06 ngày 25/5/2026 của Bộ Công an công bố TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong các lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT; quản lý con dấu; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT; quản lý con dấu; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo thuộc thẩm quyền giải quyết của của Công an tỉnh Lạng Sơn *(có danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 5398/QĐ-CAT-QLHC ngày 02/10/2023 của Công an tỉnh về việc công khai thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung hủy bỏ, bãi bỏ trong các lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT; quản lý con dấu; quản lý, sử dụng pháo thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số 2504/QĐ-CAT-QLHC ngày 28/3/2025 của Công an tỉnh Lạng Sơn về việc công khai thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Lạng Sơn.

Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội và Công an cấp xã niêm yết công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, xã.

Phòng Tham mưu Công an tỉnh đăng tải công khai các thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử Công an tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Các đồng chí Trưởng phòng, Trưởng Công an cấp xã thuộc Công an tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Pháp chế và CCHC, TP - Bộ Công an;
- Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc Công an tỉnh;
- Các đồng chí Phó Giám đốc CAT;
- Lưu: VT, QLHC (Đ2).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá Lê Đăng Khoa

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÔNG AN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 6275 /QĐ-CAT-QLHC ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Công an tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính mới ban hành	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
Lĩnh vực quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT				
1	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với trường hợp cơ sở kinh doanh bị thu hồi không có thời hạn	- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP; - Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an. - Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện - Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT
B. Thủ tục hành chính cấp xã				
Lĩnh vực quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT				

1	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với trường hợp cơ sở kinh doanh bị thu hồi không có thời hạn	- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP; - Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an. - Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện - Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Công an cấp xã	Quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT
Lĩnh vực quản lý con dấu				
1	Thủ tục đăng ký mẫu con dấu mới	- Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP; - Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Đăng ký, quản lý con dấu
2	Thủ tục đăng ký lại mẫu con dấu	- Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP; - Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và	Công an cấp xã	Đăng ký, quản lý con dấu

		cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.		

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1. Lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ					
1	1.000328	Cấp Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an; - Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
2	1.000374	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng	- Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh - Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
3	1.000962	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng	Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

			tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	tỉnh	
4	1.000445	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao	- Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh - Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
5	1.000731	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15 - Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
6	1.000723	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
7	1.002785	Cấp Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao	Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

8	1.000357	Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp	Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
9	1.000498	Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ	Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
10	2.000152	Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
11	1.000331	Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ	Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
12	1.000330	Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	- Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh - Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
13	1.000326	Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình	- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày	Phòng Cảnh sát quản lý	Quản lý vũ khí, vật liệu

		trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật	29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an; - Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	nổ, công cụ hỗ trợ
14	1.000325	Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật	- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an; - Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
15	1.000484	Cấp giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ	- Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh - Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
			Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý,	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về	Quản lý vũ khí, vật liệu

16	1.000519	Cấp giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng	sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15	trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	nổ, công cụ hỗ trợ
17	1.000468	Cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
18	1.013075	Đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ	Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2026/TT-BCA	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ
2. Thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý, sử dụng pháo					
1	1.014980 (mã thực hiện tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH)	Đề nghị huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo	- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an. - Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý, sử dụng pháo
2	1.014981 (mã thực hiện tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH)	Đề nghị cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo	- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an. - Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý, sử dụng pháo

			phủ về quản lý, sử dụng pháo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.		
3	1.014982 (mã thực hiện tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH)	Đề nghị tự huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo	- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an. - Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý, sử dụng pháo
4	1.014983 (mã thực hiện tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH)	Đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo	- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an. - Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý, sử dụng pháo
5	1.014984 (mã thực hiện tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH)	Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ	- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an. - Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý, sử dụng pháo

			pháo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.		
3. Lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự					
1	2.001478	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện - Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự
2	2.001402	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện - Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự
Lĩnh vực quản lý con dấu					
1	2.001428	Thủ tục đăng ký mẫu con dấu mới	Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý con dấu
2	2.001410	Thủ tục đăng ký lại mẫu con dấu	Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh	Quản lý con dấu

			doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.		
B. Thủ tục hành chính cấp xã					
1. Lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự					
1	3.000243	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện - Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Công an cấp xã - Công an cấp tỉnh	Quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự
2	3.000244	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện - Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Công an cấp xã - Công an cấp tỉnh	Quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính được bãi bỏ	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
Thủ tục hành chính cấp tỉnh, xã: Không				

PHẦN II
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự

1. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với trường hợp cơ sở kinh doanh bị thu hồi không có thời hạn theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (đối với trường hợp bị thu hồi không có thời hạn theo quy định của pháp luật) nộp hồ sơ về Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ

+ Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết thì từ chối tiếp nhận hồ sơ và gửi thông báo lý do từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) (trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật).

- Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh gửi cơ quan Công an có thẩm quyền (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP);

- Tài liệu hợp lệ các tài liệu bổ sung chứng minh đáp ứng đủ điều kiện để hoạt động kinh doanh (nếu có).

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ sở kinh doanh (trừ các cơ sở kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an), bao gồm:

Kinh doanh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh vận chuyển tiền chất thuốc nổ; sản xuất con dấu; kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh quần, áo, mũ quân phục, quân hiệu, công an hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, số hiệu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; kinh doanh trò chơi có thưởng (đặt cược); kinh doanh dịch vụ vũ trường; kinh doanh máy, thiết bị (bao gồm cả linh kiện, phụ tùng, trang thiết bị sản xuất): Máy kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; thiết bị giám sát điện thoại di động GSM và các thiết bị giám sát điện thoại di động khác; thiết bị kiểm tra nồng độ cồn; thiết bị đo, thử chất ma túy; kinh doanh dịch vụ bảo vệ; đơn vị sự nghiệp có thu của các cơ quan, tổ chức cấp trung ương và cấp tỉnh trên địa bàn quản lý.

Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh tiền chất thuốc nổ; kinh doanh dịch vụ nổ mìn; kinh doanh công cụ hỗ trợ.

Kinh doanh dịch vụ lưu trú được xếp hạng 5 sao trở lên bao gồm: Khách sạn 5 sao, biệt thự du lịch 5 sao, căn hộ du lịch 5 sao, tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao và kinh doanh dịch vụ lưu trú từ 30 phòng cho thuê lưu trú trở lên.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

1.8. Lệ phí (nếu có): 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP);

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Đã đáp ứng điều kiện mà trước đó bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự không thời hạn theo quy định tại Điều 18 Nghị định số

96/2016/NĐ-CP và đảm bảo thời hạn được cấp lại theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện .

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

- Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 15/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng

nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu; Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 68/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy; Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15/01/2024 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CẤP XÃ

I. Lĩnh vực quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự

1. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với trường hợp cơ sở kinh doanh bị thu hồi không có thời hạn theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (đối với trường hợp bị thu hồi không có thời hạn theo quy định của pháp luật) nộp hồ sơ về Công an cấp xã.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ

+ Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết thì từ chối tiếp nhận hồ sơ và gửi thông báo lý do từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Công an cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) (trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật).

- Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Công an cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh gửi cơ quan Công an có thẩm quyền (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP);

- Tài liệu hợp lệ các tài liệu bổ sung chứng minh đáp ứng đủ điều kiện để hoạt động kinh doanh (nếu có).

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở kinh doanh (trừ các cơ sở kinh doanh thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an và của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an cấp tỉnh), bao gồm:

Kinh doanh dịch vụ karaoke; kinh doanh dịch vụ xoa bóp; kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh dịch vụ lưu trú từ 29 phòng cho thuê lưu trú trở xuống; kinh doanh dịch vụ in; kinh doanh các loại pháo; các đơn vị sự nghiệp có thu hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự của cơ quan, tổ chức không thuộc thẩm quyền quản lý của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an cấp tỉnh.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã - Công an cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

1.8. Lệ phí (nếu có): 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP);

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Đã đáp ứng điều kiện mà trước đó bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự không thời hạn theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP và đảm bảo thời hạn được cấp lại theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện .

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

- Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 15/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu; Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 68/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy; Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15/01/2024 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

II. Lĩnh vực quản lý con dấu

1. Thủ tục: Đăng ký mẫu con dấu mới

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức có nhu cầu đăng ký mẫu con dấu mới nộp hồ sơ về Công an cấp xã.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ

+ Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức cử liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức cử liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do từ chối và gửi Thông báo về việc từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức cử liên hệ nộp hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Công an cấp xã trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Công an cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) (trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật).

- Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Công an cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Đối với cơ quan có chức năng quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

b) Đối với tổ chức sự nghiệp:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền;

- Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

c) Đối với tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền;

- Điều lệ hoạt động của tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đối với tổ chức trực thuộc tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền;

- Văn bản quy định về tổ chức, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp cho tổ chức theo quy định của pháp luật;

- Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

đ) Đối với tổ chức khác được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật: Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc cấp phép hoạt động và các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức này.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu.

1.8. Lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước chỉ được sử dụng con dấu khi đã có quy định về việc được phép sử dụng con dấu trong văn bản quy phạm pháp luật hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền; phải đăng ký mẫu con dấu trước khi sử dụng.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

- Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 15/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu; Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 68/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy; Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15/01/2024 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký

mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 31/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an quy định về mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức và chức danh nhà nước.

- Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

2. Thủ tục: Đăng ký lại mẫu con dấu

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức có nhu cầu đăng ký lại mẫu con dấu do con dấu bị biến dạng, mòn, hỏng hoặc thay đổi chất liệu hoặc có sự thay đổi về tổ chức, đổi tên hoặc bị mất con dấu nộp hồ sơ về Công an cấp xã.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ

+ Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức cử liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức cử liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do từ chối và gửi Thông báo về việc từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức cử liên hệ nộp hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Công an cấp xã trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Công an cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) (trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật).

- Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Công an cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Đối với cơ quan, tổ chức có con dấu bị biến dạng, mòn, hỏng hoặc thay đổi chất liệu: Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước.

b) Đối với cơ quan, tổ chức có sự thay đổi về tổ chức, đổi tên:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thay đổi về tổ chức, đổi tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

c) Đối với cơ quan, tổ chức bị mất con dấu:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước và có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan có thẩm quyền;

- Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu được cấp trước đó.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc cấp phép hoạt động và các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức này.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Con dấu, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu, Giấy chứng nhận thu hồi con dấu.

3.8. Lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan, tổ chức con dấu đang sử dụng bị biến dạng, mòn, hỏng hoặc có thay đổi tổ chức, đổi tên thì phải thực hiện thủ tục đăng ký lại mẫu con dấu, nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu đã được cấp trước đó cho cơ quan đăng ký mẫu con dấu.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

- Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 15/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu; Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 68/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy; Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15/01/2024 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 31/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an quy định về mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức và chức danh nhà nước.

Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

1. Thủ tục: Cấp Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp

nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của bảo tàng, đơn vị biểu diễn nghệ thuật, cơ sở điện ảnh sản xuất phim có nhu cầu trang bị; tổ chức, doanh nghiệp bán vũ khí, công cụ hỗ trợ; lý do; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu vũ khí, công cụ hỗ trợ; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật. Đối với trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

1.8. Phí, lệ phí:

- Đối với giấy phép trang bị: 10.000 đồng/khẩu-chiếc.

- Đối với giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng: 10.000 đồng/giấy.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, cụ thể:

"2. Bảo tàng, đơn vị biểu diễn nghệ thuật, cơ sở điện ảnh sản xuất phim được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã làm mất tính năng, tác dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật.".

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 62/TT-BCA ngày 18/5/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

2. Thủ tục: Cấp Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, đơn vị có nhu cầu trang bị, doanh nghiệp bán vũ khí quân dụng, họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đến liên hệ, lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu vũ khí quân dụng, thông tin về việc lãnh đạo Bộ, ngành đồng ý trang bị số lượng, chủng loại, nhãn hiệu vũ khí quân dụng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng.

2.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/khẩu-chiếc.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK2 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp giấy phép trang bị vũ khí quân dụng cho đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15; cụ thể:

"1. Đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biển;

d) Công an nhân dân;

đ) Cơ yếu;

e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

g) Kiểm lâm, Kiểm ngư;

h) An ninh hàng không;

i) Hải quan cửa khẩu; lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan; lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan.".

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

- Thông tư số 62/TT-BCA ngày 18/5/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

3. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, đơn vị nộp văn bản tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị đề nghị để bổ sung, hoàn thiện.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý

hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 21 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị; lý do đề nghị cấp lại; số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu từng loại vũ khí quân dụng; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ. Trường hợp mất, hư hỏng giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng thì văn bản đề nghị phải nêu rõ lý do mất, hư hỏng và kết quả xử lý.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

3.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng.

3.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK9 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng đối với các trường hợp thay đổi thông tin về cơ quan, đơn vị hoặc mất, hư hỏng giấy phép sử dụng cho đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15; cụ thể:

"1. Đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biển;

d) Công an nhân dân;

đ) Cơ yếu;

e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

g) Kiểm lâm, Kiểm ngư;

h) An ninh hàng không;

i) Hải quan cửa khẩu; lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan; lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan.".

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Thông tư số 62/TT-BCA ngày 18/5/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

4. Thủ tục: Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 25 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu trang bị, tổ chức, doanh nghiệp bán vũ khí thể thao và họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu vũ khí thể thao; thông tin về việc cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng ý trang bị số lượng, chủng loại, nhãn hiệu vũ khí thể thao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép trang bị vũ khí thể thao.

4.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/khẩu-chiếc.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK2 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp giấy phép trang bị vũ khí thể thao cho đối tượng được trang bị vũ khí thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15; cụ thể:

“1. Đối tượng được trang bị vũ khí thể thao bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biển;

d) Công an nhân dân;

đ) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;

e) Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh;

g) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác được thành lập, cấp phép hoạt động trong luyện tập, thi đấu thể thao.”.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

- Thông tư số 62/TT-BCA ngày 18/5/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

5. Thủ tục: Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao

5.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp văn bản trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thông tin còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận văn bản qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

5.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 26 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, lý do, số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng vũ khí thể thao và số giấy phép trang bị vũ khí thể thao. Trường hợp trực tiếp nộp văn bản, đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ theo quy định tại Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao.

5.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK9 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật

liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao cho đối tượng được trang bị vũ khí thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15; cụ thể:

"1. Đối tượng được trang bị vũ khí thể thao bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biển;

d) Công an nhân dân;

đ) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;

e) Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh;

g) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác được thành lập, cấp phép hoạt động trong luyện tập, thi đấu thể thao.".

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Thông tư số 62/TT-BCA ngày 18/5/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mực thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

6. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp văn bản trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thông tin còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận văn bản qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

6.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 26 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí thể thao phải ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; lý do đề nghị cấp lại; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu từng loại vũ khí thể thao; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ. Trường hợp mất, hư hỏng giấy phép sử dụng vũ khí thể thao thì văn bản đề nghị phải nêu rõ lý do mất, hư hỏng và kết quả xử lý.

Trường hợp trực tiếp nộp văn bản, đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

6.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao.

6.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK9 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí thể thao đối với các trường hợp thay đổi thông tin về cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc mất, hư hỏng giấy phép sử dụng cho đối tượng được trang bị vũ khí thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15; cụ thể:

"1. Đối tượng được trang bị vũ khí thể thao bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biển;

d) Công an nhân dân;

đ) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;

e) Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh;

g) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác được thành lập, cấp phép hoạt động trong luyện tập, thi đấu thể thao.".

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Thông tư số 62/TT-BCA ngày 18/5/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

7. Thủ tục: Cấp Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nộp văn bản tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản phải trả văn bản đề nghị hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

7.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 30 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu sửa chữa và tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiến hành sửa chữa; lý do; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng loại vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao đề nghị sửa chữa; thời gian sửa chữa; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

7.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

7.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/khẩu-chiếc.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK6 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp

giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Thông tư số 62/TT-BCA ngày 18/5/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

8. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, doanh nghiệp nộp văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp văn bản trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh;

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông

báo thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận văn bản qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện văn bản.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

8.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 41 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể: Văn bản đề nghị ghi rõ nội dung đề nghị điều chỉnh trong nội dung giấy phép vận chuyển. Trường hợp trực tiếp nộp văn bản, đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

8.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

8.8. Phí, lệ phí: Không.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK8 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chỉ cấp điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp trong trường hợp có thay đổi thông tin trong giấy phép. Việc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; cụ thể:

"1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng hóa;

b) Phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đủ điều kiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; bảo đảm điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

c) Người quản lý, người điều khiển phương tiện, người áp tải và người phục vụ có liên quan trực tiếp đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp có trình độ chuyên môn phù hợp và được huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy;

d) Có giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; biểu trưng báo hiệu phương tiện đang vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

2. Việc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b) Kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng, đỗ và khắc phục ngay sự cố xảy ra;

c) Có phương án vận chuyển bảo đảm an toàn, phòng cháy và chữa cháy; có biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp;

d) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến

vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Không được chở vật liệu nổ công nghiệp và người trên cùng một phương tiện, trừ người điều khiển phương tiện, người áp tải;

e) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp ở nơi đông người, khu vực dân cư, cửa hàng xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao; không vận chuyển khi thời tiết bất thường. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố mà không đủ lực lượng bảo vệ thì người điều khiển phương tiện, người áp tải phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ khi cần thiết.”.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Thông tư số 62/TT-BCA ngày 18/5/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

9. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, doanh nghiệp nộp văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc

gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp văn bản trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh;

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận văn bản qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện văn bản.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

9.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 47 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể: Văn bản đề nghị ghi rõ nội dung

đề nghị điều chỉnh trong nội dung giấy phép vận chuyển. Trường hợp trực tiếp nộp văn bản, đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

9.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ.

9.8. Phí, lệ phí: Không.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK8 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chỉ cấp điều chỉnh giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ trong trường hợp có thay đổi thông tin trong giấy phép. Việc vận chuyển tiền chất thuốc nổ phải đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; cụ thể:

"1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển tiền chất thuốc nổ phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tiền chất thuốc nổ hoặc doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng hóa;

b) Có phương tiện đủ điều kiện vận chuyển tiền chất thuốc nổ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động tiền chất thuốc nổ; bảo đảm điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

c) Người quản lý, người điều khiển phương tiện, người áp tải và người phục vụ có liên quan trực tiếp đến vận chuyển tiền chất thuốc nổ phải có trình độ chuyên môn phù hợp, được huấn luyện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

d) Có giấy phép hoặc mệnh lệnh vận chuyển tiền chất thuốc nổ; biểu trưng báo hiệu phương tiện đang vận chuyển tiền chất thuốc nổ.

2. Việc vận chuyển tiền chất thuốc nổ thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ;

b) Kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng, đỗ và khắc phục ngay sự cố xảy ra;

c) Có phương án bảo đảm vận chuyển an toàn, phòng cháy và chữa cháy; có biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp;

d) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến tiền chất thuốc nổ;

đ) Không được chở tiền chất thuốc nổ và người trên cùng một phương tiện, trừ người điều khiển phương tiện, người áp tải;

e) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển tiền chất thuốc nổ ở nơi đông người, khu vực dân cư, cửa hàng xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao; không vận chuyển tiền chất thuốc nổ khi thời tiết bất thường. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố mà không đủ lực lượng bảo vệ thì người điều khiển phương tiện, người áp tải phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ khi cần thiết.”.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Thông tư số 62/TT-BCA ngày 18/5/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

10. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp văn bản trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh;

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận văn bản qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện văn bản.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

10.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, lý do, số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu từng loại công cụ hỗ trợ; trường hợp mất, hư hỏng giấy phép sử dụng thì văn bản phải nêu rõ lý do mất, hư hỏng và kết quả xử lý. Trường hợp trực tiếp nộp văn bản, đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

10.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

10.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK9 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp lại giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ đối với các trường hợp thay đổi thông tin về cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc mất, hư hỏng giấy phép sử dụng cho đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15; cụ thể:

"1. Đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biển;

d) Công an nhân dân;

đ) Cơ yếu;

e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

g) Cơ quan thi hành án dân sự;

h) Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, Kiểm ngư, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thủy sản;

i) Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan, lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan;

k) Đội kiểm tra của lực lượng Quản lý thị trường;

l) An ninh hàng không, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra

chuyên ngành giao thông vận tải;

m) Lực lượng bảo vệ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ;

n) Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

o) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;

p) Cơ sở cai nghiện ma túy;

q) Các đối tượng khác có nhu cầu trang bị công cụ hỗ trợ thì căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.".

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

11. Thủ tục: Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ

11.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp văn bản trực

tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh;

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận văn bản qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện văn bản.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

11.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu và tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp tiến hành sửa chữa; lý do; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng loại công cụ hỗ trợ đề nghị sửa chữa; số lượng, bộ phận cần tiến hành sửa chữa; thời gian sửa chữa; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp trực tiếp nộp văn bản, đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

11.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ.

11.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/khẩu-chiếc.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK6 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mực thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy

phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

12. Thủ tục: Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

12.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp văn bản tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khi giao nộp vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ để giao nộp. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền trực tiếp thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ tại trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị giao nộp thì không phải cấp giấy phép vận chuyển.

- Bước 3: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền trang cấp thuộc Bộ Công an sau khi nhận được văn bản đề nghị thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ của các đơn vị trong Công an nhân dân thì tổ chức thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định như sau: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền trang cấp thuộc Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra, lập biên bản thu hồi, trong đó ghi rõ số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nước sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, tình trạng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ. Biên bản lập thành 02 bản, 01 bản giao cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, 01 bản lưu tại cơ quan có thẩm quyền thu hồi.

- Bước 4: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh phải thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị về thời gian, địa điểm giao nộp để thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

- Bước 5: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, lập biên bản thu hồi, trong đó ghi rõ số lượng, loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ. Biên bản lập thành 02 bản, 01 bản giao cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, 01 bản lưu tại cơ quan có thẩm quyền thu hồi. Đối với các đơn vị trong Công an nhân dân sau khi giao nộp vũ khí, công cụ hỗ trợ cho cơ quan có thẩm quyền trang cấp thì phải giao nộp giấy phép sử dụng cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép và thực hiện theo quy định tại bước 4.

12.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của

người đại diện theo pháp luật và người đến liên hệ; lý do giao nộp; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu của vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; số giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

12.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ được thu hồi; biên bản thu hồi được lập và giao cho các bên liên quan.

12.8. Phí, lệ phí: Không.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Theo quy định tại Điều 9 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể:

"1. Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trang bị cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong trường hợp sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp giải thể hoặc không còn nhu cầu sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

b) Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ hết hạn sử dụng, hư hỏng không còn khả năng sử dụng;

c) Không thuộc đối tượng được trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định của Luật này.

2. Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, sửa chữa vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh, sửa chữa vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

b) Cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ.

3. Thu hồi giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong trường hợp sau đây:

a) Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vũ khí, công cụ hỗ trợ bị mất;

c) Giấy phép sử dụng cấp không đúng thẩm quyền.

4. Thu hồi giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ trong trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp kinh doanh công cụ hỗ trợ giải thể; chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và không còn hoạt động kinh doanh công cụ hỗ trợ;

b) Doanh nghiệp không kinh doanh công cụ hỗ trợ trong thời gian 01 năm

kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh;

c) Doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

5. Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ giải thể; chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

b) Tổ chức, doanh nghiệp không bảo đảm điều kiện về sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định của Luật này; không đáp ứng đầy đủ hoặc không thực hiện đúng nội dung quy định trong giấy phép, giấy chứng nhận;

c) Doanh nghiệp không kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong thời gian 02 năm kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh.

6. Giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ hết hạn sử dụng, hư hỏng phải giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 10 của Luật này.".

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

- Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mực thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

13. Thủ tục: Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật

13.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp văn bản trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh;

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận văn bản qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện văn bản.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực

tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

13.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nguồn gốc, xuất xứ của từng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ; tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện làm mất tính năng, tác dụng. Trường hợp trực tiếp nộp văn bản, đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

13.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thực hiện thủ tục làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho phép làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, trong đó ghi rõ số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu vũ khí, công cụ hỗ trợ, thời gian, tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp làm mất tính năng, tác dụng; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Sau khi tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an đã làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ thì thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị và Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội tiến hành kiểm tra, lập biên bản đánh giá tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng và cấp Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo cho phép làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng.

13.8. Phí, lệ phí: Không.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK14 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc

nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể:

"2. Bảo tàng, đơn vị biểu diễn nghệ thuật, cơ sở điện ảnh sản xuất phim được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã làm mất tính năng, tác dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật."

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Nghị quyết 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 62/TT-BCA ngày 18/5/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mực thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

14. Thủ tục: Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật

14.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp văn bản trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh;

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận văn bản qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện văn bản.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

14.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ

hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nguồn gốc, xuất xứ vũ khí, công cụ hỗ trợ. Trường hợp trực tiếp nộp văn bản, đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

14.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

14.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng.

14.8. Phí, lệ phí: Không.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK15 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể:

"2. Bảo tàng, đơn vị biểu diễn nghệ thuật, cơ sở điện ảnh sản xuất phim được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã làm mất tính năng, tác dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật."

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Nghị quyết 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 62/TT-BCA ngày 18/5/2026 quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mực thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

15. Thủ tục: Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ

15.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp văn bản trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh;

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận văn bản qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

15.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 53 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu trang bị và tên, địa chỉ của tổ chức, doanh nghiệp bán công cụ hỗ trợ, lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu công cụ hỗ trợ cần trang bị, họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật. Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thành lập lực lượng bảo vệ chuyên trách thì văn bản đề nghị phải bổ sung thông tin số, ngày, tháng, năm ban hành quyết định thành lập lực lượng bảo vệ chuyên trách. Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

15.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

15.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ.

15.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/khẩu-chiếc.

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK2 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15 tháng

11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ cho đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15; cụ thể:

"1. Đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biển;

d) Công an nhân dân;

đ) Cơ yếu;

e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

g) Cơ quan thi hành án dân sự;

h) Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, Kiểm ngư, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thủy sản;

i) Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan, lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan;

k) Đội kiểm tra của lực lượng Quản lý thị trường;

l) An ninh hàng không, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải;

m) Lực lượng bảo vệ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ;

n) Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

o) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;

p) Cơ sở cai nghiện ma túy;

q) Các đối tượng khác có nhu cầu trang bị công cụ hỗ trợ thì căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.".

15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

- Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp Giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp Giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019).

16. Thủ tục: Cấp giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng

16.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, đơn vị nộp văn bản tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản phải trả văn bản đề nghị hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị đề nghị để bổ sung, hoàn thiện.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng

Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

16.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 21 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị, họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ, số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng vũ khí quân dụng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

16.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị.

16.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

16.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng.

16.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK9 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng cho đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15; cụ thể:

"1. Đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biển;

d) Công an nhân dân;

đ) Cơ yếu;

e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

g) Kiểm lâm, Kiểm ngư;

h) An ninh hàng không;

i) Hải quan cửa khẩu; lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan; lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan.”.

16.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp Giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp Giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

17. Thủ tục: Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ

17.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp văn bản trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh;

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng

dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận văn bản qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện văn bản.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

17.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 55 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15, cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, lý do, số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng công cụ hỗ trợ, số giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ. Trường hợp trực tiếp nộp văn bản, đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

17.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

17.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

17.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

17.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

17.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK9 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ cho đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15; cụ thể:

“1. Đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biển;

d) Công an nhân dân;

đ) Cơ yếu;

e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

g) Cơ quan thi hành án dân sự;

h) Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, Kiểm ngư, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thủy sản;

i) Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan, lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan;

k) Đội kiểm tra của lực lượng Quản lý thị trường;

l) An ninh hàng không, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải;

m) Lực lượng bảo vệ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ;

n) Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

o) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;

p) Cơ sở cai nghiện ma túy;

q) Các đối tượng khác có nhu cầu trang bị công cụ hỗ trợ thì căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.”.

17.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp Giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp Giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

18. Thủ tục: Đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ

18.1.Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị văn bản theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp văn bản trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận văn bản, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung văn bản:

+ Trường hợp văn bản đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin: Cán bộ tiếp nhận văn bản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận văn bản qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả văn bản hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện văn bản.

+ Văn bản không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận văn bản nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận văn bản, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

18.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ, cụ thể: Khi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ thì phải có văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, lý do, số lượng, chủng loại, nước sản xuất,

nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu công cụ hỗ trợ, số giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ; thông tin về hóa đơn, phiếu xuất kho hoặc giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp. Trường hợp công cụ hỗ trợ là động vật nghiệp vụ, văn bản đề nghị bổ sung loại, tên, màu lông, tính biệt, cơ sở huấn luyện.

Trường hợp trực tiếp nộp văn bản, đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

18.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

18.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

18.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

18.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ.

18.8. Phí, lệ phí: Không.

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TK13 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

18.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổi sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

- Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp Giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp Giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

II. Lĩnh vực quản lý, sử dụng pháo

1. Thủ tục: Đề nghị huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

+ Nếu hồ sơ không hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do bằng văn bản và gửi thông báo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, tổ chức, doanh nghiệp nhận Thông báo đồng ý đề nghị huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo trên cổng

Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị ghi đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/07/2023; danh sách cá nhân tham gia huấn luyện ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, trình độ chuyên môn, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo về việc đồng ý đề nghị huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo.

1.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023.

1.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Theo đúng quy định tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026, cụ thể:

- Người quản lý trong hoạt động sản xuất, quản lý, bảo quản và sử dụng pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ, pháo hoa, thuốc pháo hoa;

- Chỉ huy bắn pháo hoa nổ.

1.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026;

- Nghị quyết 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

2. Thủ tục: Đề nghị cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng

định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

+ Nếu hồ sơ không hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do bằng văn bản và gửi thông báo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, tổ chức, doanh nghiệp nhận Chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị ghi đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP; Danh sách cá nhân đã tham gia huấn luyện ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, trình độ chuyên môn, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy Chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo.

2.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023.

2.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Theo đúng quy định tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 58/2026/NĐ-CP, cụ thể:

- Người quản lý trong hoạt động sản xuất, quản lý, bảo quản và sử dụng pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ, pháo hoa, thuốc pháo hoa;

- Chỉ huy bắn pháo hoa nổ.

2.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026;

- Nghị quyết 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

3. Thủ tục: Đề nghị tự huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

+ Nếu hồ sơ không hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do bằng văn bản và gửi thông báo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, tổ chức, doanh nghiệp nhận Thông báo đồng ý cho phép tự huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị ghi đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP; danh sách

cá nhân tham gia huấn luyện ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, trình độ chuyên môn, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo về việc đồng ý cho phép tự huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo.

3.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP.

3.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Theo đúng quy định tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 58/2026/NĐ-CP, cụ thể:

- Người lao động trực tiếp sản xuất pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ pháo hoa, thuốc pháo hoa;

- Người được giao quản lý kho pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ pháo hoa, thuốc pháo hoa;

- Người sử dụng pháo hoa nổ;

- Người bảo vệ, bốc dỡ tại kho pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ; người áp tải, điều khiển phương tiện vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ.

- Người bảo vệ, bốc dỡ tại kho pháo hoa, thuốc pháo hoa và tại cửa hàng kinh doanh pháo hoa; nhân viên bán pháo hoa; người áp tải, điều khiển phương tiện vận chuyển pháo hoa, thuốc pháo hoa.

3.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026;

- Nghị quyết 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

4. Thủ tục: Đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc huấn luyện, tổ chức, doanh nghiệp phải nộp văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của văn bản.

+ Nếu văn bản hợp lệ thì tiếp nhận và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

+ Nếu văn bản chưa đầy đủ thông tin thì hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

+ Nếu văn bản không hợp lệ thì không tiếp nhận, thông báo lý do bằng văn bản và gửi thông báo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

- **Bước 3:** Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, tổ chức, doanh nghiệp nhận Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp văn bản trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị ghi đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) văn bản.

4.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo.

4.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023.

4.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Theo đúng quy định tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 58/2026/NĐ-CP, cụ thể:

- Người lao động trực tiếp sản xuất pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ pháo hoa, thuốc pháo hoa;

- Người được giao quản lý kho pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ pháo hoa, thuốc pháo hoa;

- Người sử dụng pháo hoa nổ;

- Người bảo vệ, bốc dỡ tại kho pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ; người áp tải, điều khiển phương tiện vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ.

- Người bảo vệ, bốc dỡ tại kho pháo hoa, thuốc pháo hoa và tại cửa hàng kinh doanh pháo hoa; nhân viên bán pháo hoa; người áp tải, điều khiển phương tiện vận chuyển pháo hoa, thuốc pháo hoa.

4.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026);

- Nghị quyết 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

5. Thủ tục: Cấp giấy phép vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ

5.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

+ Nếu hồ sơ không hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do bằng văn bản và gửi thông báo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, tổ chức, doanh nghiệp nhận Giấy phép vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo hoa nổ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

5.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

5.3.1. Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị ghi đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 58/2026/NĐ-CP ngày

13/02/2026; bản sao đơn đặt hàng của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp hoặc giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền; bản sao quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp vận chuyển pháo hoa nổ quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 11 Nghị định 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026.

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ.

5.8. Lệ phí: 150.000 đồng/1 giấy.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Theo đúng quy định tại Điều 13 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020; khoản 13, 14 Điều 3 Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 cụ thể: Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng được Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, cung cấp pháo hoa nổ hoặc doanh nghiệp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có ngành nghề vận tải hàng hóa, đủ điều kiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp thì được phép vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026;

- Nghị quyết 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

III. Lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự

1. Thủ tục: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu được cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh

có điều kiện nộp hồ sơ về Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ

+ Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết thì từ chối tiếp nhận hồ sơ và gửi thông báo lý do từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) (trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật).

- Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

1.3.1.1. Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP).

1.3.1.2. Bản sao hợp lệ một trong các loại văn bản sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh hoặc đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh hoặc đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; thông báo mã số thuế địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh; văn bản thành lập hoặc cho phép hoạt động kèm theo văn bản thông báo mã số thuế đối với đơn vị sự nghiệp có thu;

b) Trường hợp trong các văn bản quy định tại điểm a khoản này không thể hiện ngành, nghề đầu tư kinh doanh thì cơ sở kinh doanh phải bổ sung tài liệu chứng minh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đã được cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

c) Cơ sở kinh doanh không phải nộp các tài liệu quy định tại điểm a, b khoản này khi Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước đã được kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử.

1.3.1.3. Tài liệu hợp lệ các giấy tờ, tài liệu chứng minh bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực kinh doanh và kho bảo quản nguyên liệu, hàng hóa sau đây:

a) Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quản lý về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các cơ sở kinh doanh thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP;

b) Các cơ sở kinh doanh không phải nộp tài liệu quy định tại điểm a khoản này, gồm: Sản xuất con dấu; kinh doanh dịch vụ bảo vệ; kinh doanh trò chơi có thưởng (đặt cược); kinh doanh máy kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; kinh doanh thiết bị kiểm tra nồng độ cồn; kinh doanh thiết bị đo, thử chất ma túy; kinh doanh thiết bị giám sát điện thoại di động GSM và các thiết bị giám sát điện thoại di động khác;

c) Đối với các cơ sở kinh doanh không có kho chứa nguyên liệu hoặc sản phẩm theo quy định thì phải có hợp đồng thuê kho đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại điểm a khoản này;

d) Đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; dịch vụ nổ mìn thì các tài liệu chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ là tài liệu của kho chứa, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. Trường hợp các cơ sở này có hoạt động nổ mìn theo hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật liệu nổ từ cơ sở kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp đến địa điểm nổ và đảm bảo thi công hết vật liệu nổ trong ngày, không lưu giữ vật liệu nổ thì không phải bố trí kho bảo quản vật liệu nổ nhưng phải cung cấp hợp đồng nguyên tắc trên kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp và Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy đối với kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Cơ sở kinh doanh không phải nộp các tài liệu chứng minh bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quy định tại điểm a khoản này khi Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước đã được kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử.

1.3.1.4. Phiếu lý lịch tư pháp hoặc Bản khai nhân sự (Mẫu số 02b ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP) của người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh, trong các trường hợp sau:

a) Đối với người Việt Nam ở trong nước là người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự phải có Phiếu lý lịch tư pháp (trừ những người đang thuộc biên chế của lực lượng vũ trang);

b) Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài và người nước ngoài là người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự phải có Bản khai nhân sự kèm theo tài liệu hợp lệ Hộ chiếu, Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú hoặc Thị thực còn thời hạn lưu trú tại Việt Nam;

c) Cơ sở kinh doanh không phải nộp các tài liệu Phiếu lý lịch tư pháp; Hộ chiếu, Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú hoặc Thị thực tại điểm a, b khoản này khi Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước đã được kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử.

1.3.1.5. Ngoài các tài liệu quy định nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự phải có thêm tài liệu áp dụng đối với một số cơ sở kinh doanh các ngành, nghề sau đây:

a) Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ không có vốn đầu tư nước ngoài, phải có bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp chứng minh trình độ học vấn của người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

b) Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ có vốn đầu tư nước ngoài, phải có:

- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp chứng minh trình độ học vấn của người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

- Tài liệu chứng minh doanh nghiệp nước ngoài đủ điều kiện quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều 11 Nghị định 96/2016/NĐ-CP đã được hợp pháp hóa lãnh sự của cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở quốc gia, vùng lãnh thổ nơi doanh nghiệp nước ngoài đặt trụ sở chính.

c) Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ có chức năng đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ, phải có giáo trình và chương trình đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ.

d) Đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề: Kinh doanh súng cầm tay, súng vác vai, đạn sử dụng cho các loại vũ khí này trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; kinh doanh trò chơi có thưởng (chỉ bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino và đặt cược) phải có văn bản cho phép hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ sở kinh doanh (trừ các cơ sở kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an), bao gồm:

Kinh doanh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh vận chuyển tiền chất thuốc nổ; sản xuất con dấu; kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh quần, áo, mũ quân phục, quân hiệu, công an hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, số hiệu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; kinh doanh trò chơi có thưởng (đặt cược); kinh doanh dịch vụ vũ trường; kinh doanh máy, thiết bị (bao gồm cả linh kiện, phụ tùng, trang thiết bị sản xuất): Máy kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; thiết bị giám sát điện thoại di động GSM và các thiết bị giám sát điện thoại di động khác; thiết bị kiểm tra nồng độ cồn; thiết bị đo, thử chất ma túy; kinh doanh dịch vụ bảo vệ; đơn vị sự nghiệp có thu của các cơ quan, tổ chức cấp trung ương và cấp tỉnh trên địa bàn quản lý.

Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh tiền chất thuốc nổ; kinh doanh dịch vụ nổ mìn; kinh doanh công cụ hỗ trợ.

Kinh doanh dịch vụ lưu trú được xếp hạng 5 sao trở lên bao gồm: Khách sạn 5 sao, biệt thự du lịch 5 sao, căn hộ du lịch 5 sao, tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao và kinh doanh dịch vụ lưu trú từ 30 phòng cho thuê lưu trú trở lên.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

1.8. Lệ phí (nếu có): 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP);

- Bản khai nhân sự dùng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài (Mẫu số 02b ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tùy theo từng ngành, nghề đầu tư kinh doanh, cơ sở kinh doanh phải đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định lần lượt tại các Điều 7, 8, 11, 13 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung năm 2023, 2026.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện .

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

- Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mực thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 15/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu; Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 68/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy; Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15/01/2024 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

2. Thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu được cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nộp hồ sơ về Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ

+ Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết thì từ chối tiếp nhận hồ sơ và gửi thông báo lý do từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) (trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật).

- Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP) gửi cơ quan Công an có thẩm quyền;

- Bản sao hợp lệ các tài liệu chứng minh sự thay đổi của các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (nếu có);

- Tài liệu quy định tại điểm b khoản 4 Điều 19 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP trong trường hợp thay đổi người đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh;

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đã được cấp trước đó (nếu có).

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ sở kinh doanh (trừ các cơ sở kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an), bao gồm:

Kinh doanh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh vận chuyển tiền chất thuốc nổ; sản xuất con dấu; kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh quần, áo, mũ quân phục, quân hiệu, công an hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, số hiệu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; kinh doanh trò chơi có thưởng (đặt cược); kinh doanh dịch vụ vũ trường; kinh doanh máy, thiết bị (bao gồm cả linh kiện, phụ tùng, trang thiết bị sản xuất): Máy kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; thiết bị giám sát điện thoại di động GSM và các thiết bị giám sát điện thoại di động khác; thiết bị kiểm tra nồng độ cồn; thiết bị đo, thử chất ma túy; kinh doanh dịch vụ bảo vệ; đơn vị sự nghiệp có thu của các cơ quan, tổ chức cấp trung ương và cấp tỉnh trên địa bàn quản lý.

Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh tiền chất thuốc nổ; kinh doanh dịch vụ nổ mìn; kinh doanh công cụ hỗ trợ.

Kinh doanh dịch vụ lưu trú được xếp hạng 5 sao trở lên bao gồm: Khách sạn 5 sao, biệt thự du lịch 5 sao, căn hộ du lịch 5 sao, tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao và kinh doanh dịch vụ lưu trú từ 30 phòng cho thuê lưu trú trở lên.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

2.8. Lệ phí (nếu có): 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP);

- Bản khai nhân sự trong trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài (Mẫu số 02b ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tùy theo từng nội dung thay đổi và đối với từng ngành, nghề đầu tư kinh doanh, cơ sở kinh doanh phải đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định lần lượt tại các Điều 7, 8, 11, 13 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện .

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

- Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mực thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm

2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 15/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu; Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 68/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy; Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15/01/2024 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

IV. Lĩnh vực quản lý con dấu

1. Thủ tục: Đăng ký mẫu con dấu mới

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức có nhu cầu đăng ký mẫu con dấu mới nộp hồ sơ về Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ

+ Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do từ chối và gửi Thông báo về việc từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh, Bộ Công an hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) (trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật).

- Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh, Bộ Công an hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Đối với cơ quan, tổ chức sử dụng con dấu có hình Quốc huy:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

b) Đối với cơ quan có chức năng quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

c) Đối với tổ chức sự nghiệp:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền;

- Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

d) Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền;

- Điều lệ hoạt động của tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Đối với tổ chức trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền;

- Văn bản quy định về tổ chức, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp cho tổ chức theo quy định của pháp luật;

- Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

e) Đối với tổ chức tôn giáo:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định công nhận tổ chức của cơ quan có thẩm quyền.

g) Đối với tổ chức trực thuộc tổ chức tôn giáo:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định của tổ chức tôn giáo về việc thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc;

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc;

- Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

h) Đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền cấp cho tổ chức theo quy định của pháp luật.

i) Đối với tổ chức trực thuộc doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền;

- Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

k) Đối với tổ chức nước ngoài không có chức năng ngoại giao hoạt động hợp pháp tại Việt Nam:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

l) Đối với tổ chức khác được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, đơn vị trực thuộc các cơ quan này;

- Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố, Tòa án nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, đơn vị trực thuộc các cơ quan này;

- Công an tỉnh, thành phố, đơn vị trực thuộc cơ quan này;

- Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cơ quan thi hành án dân sự khu vực, đơn vị trực thuộc cơ quan này;

- Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở;

- Cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức này;

- Tổ chức kinh tế do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thành lập hoặc cấp giấy đăng ký hoạt động hoặc cấp giấy phép hoạt động và các tổ chức trực thuộc;

- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ do

cơ quan có thẩm quyền thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức này;

- Tổ chức nước ngoài không có chức năng ngoại giao do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động;

- Ủy ban bầu cử các cấp, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Tổ bầu cử;

- Tổ chức khác do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động;

- Tổ chức tại địa phương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở địa phương khác thành lập hoặc quản lý trực tiếp;

(Trừ các cơ quan, tổ chức do Uỷ ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc cấp phép hoạt động).

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu.

1.8. Lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước chỉ được sử dụng con dấu khi đã có quy định về việc được phép sử dụng con dấu trong văn bản quy phạm pháp luật hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền; phải đăng ký mẫu con dấu trước khi sử dụng.

- Việc sử dụng con dấu có hình Quốc huy phải được quy định tại luật, pháp lệnh, nghị định hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hoặc được quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

- Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu;

quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 15/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu; Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 68/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy; Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15/01/2024 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 31/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an quy định về mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức và chức danh nhà nước.

2. Thủ tục: Đăng ký lại mẫu con dấu

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức có nhu cầu đăng ký lại mẫu con dấu do con dấu bị biến dạng, mòn, hỏng hoặc thay đổi chất liệu hoặc có sự thay đổi về tổ chức, đổi tên hoặc bị mất con dấu nộp hồ sơ về Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ

+ Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do từ chối và gửi Thông báo về việc từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh, Bộ Công an hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) (trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật).

- Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh, Bộ Công an hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Đối với cơ quan, tổ chức có con dấu bị biến dạng, mòn, hỏng hoặc thay đổi chất liệu: Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước.

b) Đối với cơ quan, tổ chức có sự thay đổi về tổ chức, đổi tên:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;

- Quyết định thay đổi về tổ chức, đổi tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

c) Đối với cơ quan, tổ chức bị mất con dấu:

- Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước và có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan có thẩm quyền;

- Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu được cấp trước đó.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, đơn vị trực thuộc các cơ quan này;

- Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố, Tòa án nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, đơn vị trực thuộc các cơ quan này;

- Công an tỉnh, thành phố, đơn vị trực thuộc cơ quan này;

- Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cơ quan thi hành án dân sự khu vực, đơn vị trực thuộc cơ quan này;

- Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở;

- Cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức này;

- Tổ chức kinh tế do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thành lập hoặc cấp giấy đăng ký hoạt động hoặc cấp giấy phép hoạt động và các tổ chức trực thuộc;

- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ do cơ quan có thẩm quyền thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức này;

- Tổ chức nước ngoài không có chức năng ngoại giao do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động;

- Ủy ban bầu cử các cấp, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Tổ bầu cử;

- Tổ chức khác do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động;

- Tổ chức tại địa phương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở địa phương khác thành lập hoặc quản lý trực tiếp;

(Trừ các cơ quan, tổ chức do Uỷ ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc cấp phép hoạt động).

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Con dấu, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu, Giấy chứng nhận thu hồi con dấu.

2.8. Lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan, tổ chức con dấu đang sử dụng bị biến dạng, mòn, hỏng hoặc có thay đổi tổ chức, đổi tên thì phải thực hiện thủ tục đăng ký lại mẫu con dấu, nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu đã được cấp trước đó cho cơ quan đăng ký mẫu con dấu.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

- Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 15/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu; Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ

Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 68/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy; Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15/01/2024 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 31/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an quy định về mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức và chức danh nhà nước.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CẤP XÃ

Lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự

1. Thủ tục: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu được cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nộp hồ sơ về Công an cấp xã – Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ

+ Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết thì từ chối tiếp nhận hồ sơ và gửi thông báo lý do từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp

hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Công an cấp xã – Công an cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) (trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật).

- Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Công an cấp xã – Công an cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

1.3.1.1. Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP).

1.3.1.2. Bản sao hợp lệ một trong các loại văn bản sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh hoặc đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh hoặc đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; thông báo mã số thuế địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh; văn bản thành lập hoặc cho phép hoạt động kèm theo văn bản thông báo mã số thuế đối với đơn vị sự nghiệp có thu;

b) Trường hợp trong các văn bản quy định tại điểm a khoản này không thể hiện ngành, nghề đầu tư kinh doanh thì cơ sở kinh doanh phải bổ sung tài liệu chứng minh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đã được cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

c) Cơ sở kinh doanh không phải nộp các tài liệu quy định tại điểm a, b khoản này khi Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước đã được kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử.

1.3.1.3. Tài liệu hợp lệ các giấy tờ, tài liệu chứng minh bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực kinh doanh và kho bảo quản nguyên liệu, hàng hóa sau đây:

a) Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quản lý về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

đối với các cơ sở kinh doanh thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP;

b) Các cơ sở kinh doanh không phải nộp tài liệu quy định tại điểm a khoản này, gồm: Sản xuất con dấu; kinh doanh dịch vụ bảo vệ; kinh doanh dịch vụ đặt cược; kinh doanh máy kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; kinh doanh thiết bị kiểm tra nồng độ cồn; kinh doanh thiết bị đo, thử chất ma túy; kinh doanh thiết bị giám sát điện thoại di động GSM và các thiết bị giám sát điện thoại di động khác;

c) Đối với các cơ sở kinh doanh không có kho chứa nguyên liệu hoặc sản phẩm theo quy định thì phải có hợp đồng thuê kho đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại điểm a khoản này;

d) Đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; dịch vụ nổ mìn thì các tài liệu chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ là tài liệu của kho chứa, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. Trường hợp các cơ sở này có hoạt động nổ mìn theo hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật liệu nổ từ cơ sở kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp đến địa điểm nổ và đảm bảo thi công hết vật liệu nổ trong ngày, không lưu giữ vật liệu nổ thì không phải bố trí kho bảo quản vật liệu nổ nhưng phải cung cấp hợp đồng nguyên tắc trên kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp và Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy đối với kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Cơ sở kinh doanh không phải nộp các tài liệu chứng minh bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quy định tại điểm a khoản này khi Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước đã được kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử.

1.3.1.4. Phiếu lý lịch tư pháp hoặc Bản khai nhân sự (Mẫu số 02b ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP) của người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh, trong các trường hợp sau:

a) Đối với người Việt Nam ở trong nước là người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự phải có Phiếu lý lịch tư pháp (trừ những người đang thuộc biên chế của lực lượng vũ trang);

b) Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài và người nước ngoài là người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự phải có Bản khai nhân sự kèm theo tài liệu hợp lệ Hộ chiếu, Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú hoặc Thị thực còn thời hạn lưu trú tại Việt Nam;

c) Cơ sở kinh doanh không phải nộp các tài liệu Phiếu lý lịch tư pháp; Hộ chiếu, Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú hoặc Thị thực tại điểm a, b khoản này khi Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước đã được kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử.

1.3.1.5. Ngoài các tài liệu quy định nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp mới Giấy

chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự phải có thêm tài liệu áp dụng đối với một số cơ sở kinh doanh các ngành, nghề sau đây:

a) Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ không có vốn đầu tư nước ngoài, phải có bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp chứng minh trình độ học vấn của người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

b) Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ có vốn đầu tư nước ngoài, phải có:

- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp chứng minh trình độ học vấn của người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

- Tài liệu chứng minh doanh nghiệp nước ngoài đủ điều kiện quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều 11 Nghị định 96/2016/NĐ-CP đã được hợp pháp hóa lãnh sự của cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở quốc gia, vùng lãnh thổ nơi doanh nghiệp nước ngoài đặt trụ sở chính.

c) Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ có chức năng đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ, phải có giáo trình và chương trình đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ.

d) Đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề: Kinh doanh súng cầm tay, súng vác vai, đạn sử dụng cho các loại vũ khí này trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; kinh doanh trò chơi có thưởng (bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino và đặt cược) phải có văn bản cho phép hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở kinh doanh (trừ các cơ sở kinh doanh thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an và của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an cấp tỉnh), bao gồm:

Kinh doanh dịch vụ karaoke; kinh doanh dịch vụ xoa bóp; kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh dịch vụ lưu trú từ 29 phòng cho thuê lưu trú trở xuống; kinh doanh dịch vụ in; kinh doanh các loại pháo; các đơn vị sự nghiệp có thu hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự của cơ quan, tổ chức không thuộc thẩm quyền quản lý của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an cấp tỉnh.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã - Công an cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

1.8. Lệ phí (nếu có): 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP);

- Bản khai nhân sự dùng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài (Mẫu số 02b ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tùy theo từng ngành, nghề đầu tư kinh doanh, cơ sở kinh doanh phải đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định lần lượt tại các Điều 7, 8, 11, 13 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung năm 2023, 2026.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện .

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

- Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và

sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 15/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu; Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 68/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy; Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15/01/2024 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

2. Thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu được cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nộp hồ sơ về Công an cấp xã – Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ

+ Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết thì từ chối tiếp nhận hồ sơ và gửi thông báo lý do từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người liên hệ nộp hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Công an cấp xã – Công an cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) (trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật).

- Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Công an cấp xã – Công an cấp tỉnh h hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP) gửi cơ quan Công an có thẩm quyền;

- Bản sao hợp lệ các tài liệu chứng minh sự thay đổi của các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (nếu có);

- Tài liệu quy định tại điểm b khoản 4 Điều 19 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP trong trường hợp thay đổi người đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh;

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đã được cấp trước đó (nếu có).

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở kinh doanh (trừ các cơ sở kinh doanh thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an và của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an cấp tỉnh), bao gồm:

Kinh doanh dịch vụ karaoke; kinh doanh dịch vụ xoa bóp; kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh dịch vụ lưu trú từ 29 phòng cho thuê lưu trú trở xuống; kinh doanh dịch vụ in; kinh doanh các loại pháo; các đơn vị sự nghiệp có thu hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự của cơ quan, tổ chức không thuộc thẩm quyền quản lý của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an cấp tỉnh.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã - Công an cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

2.8. Lệ phí (nếu có): 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP);

- Bản khai nhân sự trong trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài (Mẫu số 02b ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tùy theo từng nội dung thay đổi và đối với từng ngành, nghề đầu tư kinh doanh, cơ sở kinh doanh phải đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định lần lượt tại các Điều 7, 8, 11, 13 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện .

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

- Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định

điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

- Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mực thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 15/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu; Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 68/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy; Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15/01/2024 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu.

- Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

PHẦN III
DANH MỤC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Lĩnh vực quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự

1.1. Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP)

1.2. Bản khai nhân sự (Mẫu số 02b ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP)

2. Lĩnh vực quản lý con dấu

2.1. Văn bản đề nghị đăng ký mẫu con dấu (Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP)

3. Lĩnh vực quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

3.1. Tờ khai đề nghị cấp giấy phép trang bị vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ (Mẫu TK2 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026);

3.2. Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ (Mẫu TK9 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026);

3.3. Tờ khai đề nghị cấp giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ (Mẫu TK6 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026);

3.4. Tờ khai đề nghị cấp thông báo cho phép làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật (Mẫu TK14 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026);

3.5. Tờ khai đề nghị cấp thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật (Mẫu TK15 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026);

3.6. Tờ khai đề nghị điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Mẫu TK17 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026).

4. Lĩnh vực quản lý, sử dụng pháo

4.1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép vận chuyển pháo hoa nổ, pháo hoa, thuốc pháo nổ, thuốc pháo hoa (Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP).

Mẫu số 03

...(1)... _____ Số: .... (2)..... V/v đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *..., ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: …….(3)……..

Thực hiện Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi bổ sung năm 2023 và năm 2026.

Tên cơ sở kinh doanh:……..……..…;

Địa chỉ trụ sở chính:……..……
……..……..…;

Địa điểm kinh doanh:……
……;

Số định danh của cơ sở kinh doanh (nếu có) : ……;

Số điện thoại liên hệ: ……..…; Website/địa chỉ thư điện tử:…….....……...;

Hoạt động đầu tư kinh doanh theo văn bản:…… (4)……...

Do cơ quan:……cấp ngày…..…tháng.…...năm…….....

Thời hạn hoạt động của cơ sở kinh doanh (nếu có): ……

Đề nghị …….(3) …… cấp ..... (mới/ đổi/lại) Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự thuộc thẩm quyền của ……..….(Bộ Công an/Công an cấp tỉnh/Công an cấp xã)

Ngành, nghề đầu tư kinh doanh:…… (5) ……..……..……;

Lý do đề nghị cấp: ……(6)…….……

Người đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh: (ông/bà)…….……..…….;

Sinh ngày:…….tháng ……năm ……; Quốc tịch ……..…..……;

Số Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu:……..……;

Cấp ngày ……tháng……năm……; cơ quan cấp:……..……

Nơi thường trú: ……..…….……...

Nơi ở hiện tại: …….……

Chức danh trong cơ sở kinh doanh:……;

Các tài liệu pháp lý có liên quan:

- ……(7) ……..;

-……..…..;

-……..…..;

-……;

……

Chúng tôi xét thấy cơ sở kinh doanh đã đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung năm 2023 và năm 2026 để làm ngành, nghề đầu tư kinh doanh: ..... Đồng thời, hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác các tài liệu, nội dung các tài liệu có trong bộ hồ sơ gửi kèm theo văn bản đề nghị này.

Vậy đề nghị ……(3)……giải quyết./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH

(Ký tên; đóng dấu - nếu có)

(1) Tên cơ sở kinh doanh.

(2) Số, ký hiệu văn bản của cơ sở kinh doanh (nếu có).

(3) Tên cơ quan Công an có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự.

(4) Tên văn bản quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.

(5) Ghi theo tên ngành, nghề đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 3 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.

(6) Nêu rõ lý do cấp mới/cấp đổi/cấp lại. Trường hợp cấp đổi/cấp lại ghi rõ số Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự đã cấp; cơ quan cấp; ngày, tháng, năm cấp.

(7) Tên văn bản, số và ký hiệu văn bản, cơ quan ban hành văn bản, ngày tháng năm ban hành văn bản

Mẫu số 02b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

Ảnh
(Portrait)
(4x6 cm)

BẢN KHAI NHÂN SỰ

(Individual decleration)

Dùng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài
(For foreigner and Vietnamese oversea holding foreign passport)

1. [1]Họ tên *(Name and surname):* ……
2. Ngày sinh *(Date of birth)*: ……
3. Giới tính *(Sex):* ……
4. Nơi sinh *(Place of birth):* ……
5. Quốc tịch *(Nationality):* ……
6. Hộ chiếu số *(Passport No):*……
Loại *(Kind):*……
Ngày cấp *(Date of issue):* ……
Giá trị đến *(Date of expiry):* ……
Cơ quan cấp *(Issued by):* ……
7. Thẻ tạm trú số/ Thẻ thường trú số/ *(Temporary or permanently residene card No)*: ……
Ngày cấp *(Date of issue):*……
Giá trị đến *(Date of expiry):* ……
Cơ quan cấp *(Issued by)*: ……
Cơ quan, tổ chức bảo lãnh *(Sponsoring agency/Organization)*
……
8. Nghề nghiệp *(Profession):* ……
9. Nơi làm việc *(Place of work)*……
10. Chức danh tại cơ sở kinh doanh (*Position*):……

Tôi cam đoan những nội dung khai trên là đúng sự thật./.
(I swear the above declarations are true of which).

Làm tại *(Done at):* ……...
Ngày *(date):* ……
(Ký - Signature)

[1] Chữ in hoa *(Capital letter)*

Mẫu số 03

..(1)... ...(2)... _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____
Số:…...(3)…….. V/v đề nghị đăng ký mẫu con dấu	*……..., ngày ... tháng ... năm ……*

Kính gửi: ……..…...(4)……..

Thực hiện Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung năm 2023, năm 2026

1. Cơ quan, tổ chức đề nghị đăng ký mẫu con dấu:

Tên cơ quan, tổ chức: ……...…;

Địa chỉ: ……..……...…..…..;

Số định danh của cơ quan, tổ chức: ……...……..;

Số điện thoại: ……..…..…; Website/địa chỉ thư điện tử:……...…….....

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức

Họ và tên: ……..; Chức vụ:……..…..;

Ngày, tháng, năm sinh: ……..; Giới tính:……..;

Số CC/CCCD/HC:……..…; Ngày cấp: ……; Nơi cấp: ……;

Nơi thường trú: ……..;

Nơi ở hiện tại: ……..……...……..

3. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp

Tên cơ quan, tổ chức: ……..…..……;

Số định danh của cơ quan, tổ chức: ……...…...…..

4. Danh sách cơ quan, tổ chức đăng ký mẫu con dấu (đối với hồ sơ đăng ký nhiều con dấu)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số định danh	Địa chỉ	Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp
1				
2				
3				
4				

5. Nội dung đề nghị thực hiện thủ tục đăng ký mẫu con dấu

……..(5)……...……

Lý do: …….……..…….

Các tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo:

- ……..…(6)…….……;

- …….……...…..;

- ……..……...…….....;

- ……..…….……....

6. Người được giới thiệu/ủy quyền liên hệ nộp hồ sơ

Họ và tên: ……; Chức vụ:……...……...…..;

Ngày, tháng, năm sinh: ……..; Giới tính:……..;

Số CC/CCCD/HC:……..…; Ngày cấp:……; Nơi cấp: ……...…;

Số điện thoại liên hệ: …….

Chúng tôi xét thấy đã đủ điều kiện được …….(5)…… Đồng thời, hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác các tài liệu, nội dung các tài liệu có trong bộ hồ sơ gửi kèm theo văn bản đề nghị này.

Đề nghị ……(4) ……. giải quyết./.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).
(2) Tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng con dấu.
(3) Số ký hiệu văn bản của cơ quan, tổ chức sử dụng con dấu (nếu có).
(4) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu.
(5) Đăng ký mẫu con dấu mới hoặc đăng ký thêm con dấu hoặc đăng ký dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi hoặc đăng ký lại mẫu con dấu hoặc đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu hoặc nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu.
(6) Tên văn bản, số và ký hiệu văn bản, cơ quan ban hành văn bản, ngày tháng năm ban hành văn bản.

Mẫu TK2 ban hành kèm theo
Thông tư số…./2025/TT-BCA ngày… tháng…năm

(1)
_____
Số: … /… (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP TRANG BỊ…(3)…

Kính gửi (4): ……..……..….

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:.....
2. Số định danh cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
3. Địa chỉ:.....
4. Người đại diện theo pháp luật:.....
5. Số ĐDCN/HC: .....
6. Ngày cấp: ……/……./……. 7. Nơi cấp: .....
8. Lý do đề nghị: .....
9. Danh sách ….(3)…:

STT	Chủng loại	Nhãn hiệu	Đơn vị tính

10. Mua tại tổ chức, doanh nghiệp: .....
11. Địa chỉ: .....

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……..;
- Lưu…..

……, ngày…. tháng…. năm …
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép;
(2) Nếu nộp hồ sơ trên Ứng dụng định danh quốc gia thì không cần số công văn;
(3) Ghi rõ vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ;
(4) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

Mẫu TK6 ban hành kèm theo
Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026

(1)
_____
Số: … /…(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬA CHỮA….(3)…

Kính gửi (4): ……..……..…..

1. Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp: .....
2. Số định danh cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
3. Địa chỉ: .....
4. Người đại diện theo pháp luật: .....
5. Số ĐDCN/HC: .....
6. Ngày cấp: ……./……./……. 7. Nơi cấp: .....
8. Lý do đề nghị sửa chữa ….(3)…: .....
9. Danh sách …(3)…:

Stt	Chủng loại	Nhãn hiệu	Số, ký hiệu	Bộ phận cần sửa chữa	Thời gian sửa chữa
1					
2					
3					

10. Tên tổ chức, doanh nghiệp sửa chữa: .....
11. Địa chỉ: .....

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……..;
- Lưu…..

…, ngày… tháng… năm…
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép;
(2) Nếu nộp hồ sơ trên Ứng dụng định danh quốc gia thì không cần số công văn;
(3) Ghi rõ vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ;
(4) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

Mẫu TK9 ban hành kèm theo
Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026

(1)
_____
Số: … /… (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ …(3)…GIẤY PHÉP SỬ DỤNG…(4)…

Kính gửi (5): ……..……..……

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:.....
2. Số định danh cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
3. Địa chỉ:.....
4. Người đến liên hệ:.....
5. Số ĐDCN/HC:.....
6. Ngày cấp: …./…/…7. Nơi cấp: .....
8. Lý do đề nghị ….(3)…giấy phép sử dụng …(4)…:.....
9. Danh sách ….(4)…:

Stt	Chủng loại	Nhãn hiệu	Số, ký hiệu	Số giấy phép trang bị
1				
2				
3				

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……..;
- Lưu…..

…, ngày… tháng… năm…
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép;
(2) Nếu nộp hồ sơ trên Ứng dụng định danh quốc gia thì không cần số công văn;
(3) Ghi rõ cấp hoặc cấp lại;
(4) Ghi rõ vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ;
(5) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

Mẫu TK14 ban hành kèm theo
Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026

(1)
_____
Số: … /… (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP THÔNG BÁO CHO PHÉP LÀM MẤT TÍNH NĂNG, TÁC DỤNG VÀ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG …(3)… ĐÃ MẤT TÍNH NĂNG, TÁC DỤNG ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ TRIỂN LÃM, TRƯNG BÀY HOẶC LÀM ĐẠO CỤ TRONG HOẠT ĐỘNG VĂN HOÁ, NGHỆ THUẬT

Kính gửi (4): ……

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:……
2. Số định danh cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: ……
3. Địa chỉ:……
4. Người đại diện theo pháp luật:……
5. Số ĐDCN/HC:……
6. Ngày cấp: …/…/… 7. Nơi cấp: ……
8. Lý do đề nghị: ……
9. Danh sách…(3)… :

Stt	Chủng loại	Nhãn hiệu	Số, ký hiệu	Nguồn gốc, xuất xứ
1				
2				
3				

10. Tên tổ chức, doanh nghiệp thực hiện làm mất tính năng, tác dụng: …….
……
11. Địa chỉ:……

……, ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……..;
- Lưu…..

Ghi chú:
(1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép;
(2) Nếu nộp hồ sơ trên Ứng dụng định danh quốc gia thì không cần số công văn;
(3) Ghi rõ vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ;
(4) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

Mẫu TK15 ban hành kèm theo
Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026

(1)
_____
Số: … /… (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP THÔNG BÁO XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG…(3)… ĐÃ MẤT TÍNH NĂNG, TÁC DỤNG

Kính gửi: (4)……..

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:.....
2. Số định danh cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
3. Địa chỉ:.....
4. Người đại diện theo pháp luật:.....
5. Số ĐDCN/HC:.....
6. Ngày cấp: …/…/…7. Nơi cấp: .....
8. Lý do đề nghị: .....
9. Danh sách…(3)… :

Stt	Chủng loại	Nhãn hiệu	Số, ký hiệu	Nguồn gốc, xuất xứ
1				
2				
3				

……, ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……..;
- Lưu…..

Ghi chú:
(1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép;
(2) Nếu nộp hồ sơ trên Ứng dụng định danh quốc gia thì không cần số công văn;
(3) Ghi rõ vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ;
(4) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

Mẫu TK17 ban hành kèm theo
Thông tư số 02/2026/TT-BCA ngày 06/01/2026

(1)
_____
Số: … /… (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN…(3)…

Kính gửi (4): ……..…..……

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:.....
2. Số định danh cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
3. Địa chỉ:.....
4. Người đại diện theo pháp luật:.....
5. Số ĐDCN/HC:.....
6. Ngày cấp: …/…/…7. Nơi cấp: .....
8. Đề nghị điều chỉnh giấy phép vận chuyển …(3)… số: .....
9. Nội dung đề nghị điều chỉnh: ……

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……..;
- Lưu…..

…, ngày… tháng… năm…
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép.
(2) Nếu nộp hồ sơ trên Ứng dụng định danh quốc gia thì không cần số công văn;
(3) Ghi rõ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
(4) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

Phụ lục VIII

(1) .....
_____
Số:..... /.....
V/v đề nghị cấp giấy phép vận chuyển pháo hoa nổ, pháo hoa, thuốc pháo nổ, thuốc pháo hoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

....., ngày.....tháng..... năm.....

Kính gửi: (2).....

Tổ chức, doanh nghiệp:.....
Địa chỉ:.....
Người đại diện theo pháp luật:.....
Chức vụ:.....Số CC/CCCD/HC:.....
Đề nghị cấp giấy phép vận chuyển: (3).....
Chủng loại, số lượng: (4) ….....….
.....
Người chịu trách nhiệm vận chuyển:.....
Chức vụ:..... Số CC/CCCD/HC:.....
Người điều khiển phương tiện:.....
Số CC/CCCD/HC:.....
Phương tiện vận chuyển:.....
Biển kiểm soát:.....
Thời gian vận chuyển:.....
Nơi đi:.....
Nơi đến:.....
Tuyến đường vận chuyển:.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……..;
- Lưu…..

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép.
(2) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.
(3) Ghi loại pháo hoa nổ, pháo hoa, thuốc pháo nổ, thuốc pháo hoa đề nghị vận chuyển.
(4) Ghi cụ thể chủng loại, số lượng pháo hoa nổ, pháo hoa, thuốc pháo nổ, thuốc pháo hoa. Nếu vận chuyển số lượng lớn phải có bản phụ lục kèm theo.